

Số : 518 /DHG-AC

V/v giải trình số liệu tài chính do Công ty

Cần Thơ, ngày 16 tháng 8 năm 2014

CBTT so với BCTC kiểm toán 6 tháng đầu năm 2014.

Kính gửi: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Căn cứ vào Thông tư 52/2012/TT-BTC ban hành ngày 5 tháng 4 năm 2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Nay, Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang giải trình về việc số liệu tài chính trên Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2014 do Công ty CBTT so với BCTC kiểm toán theo chi tiết như sau:

Báo cáo tài chính riêng

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,594,128,586,409	1,605,026,844,583	(10,898,258,174)	-0.68%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,567,758,804,328	1,578,657,062,502	(10,898,258,174)	-0.69%
Giá vốn hàng bán	11	825,638,553,920	834,695,323,910	(9,056,769,990)	-1.09%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	78,502,029,155	77,147,469,491	1,354,559,664	1.76%
Chi phí tài chính	22	23,851,260,082	23,851,260,082	-	0.00%
Chi phí bán hàng	24	351,265,800,078	353,107,288,262	(1,841,488,184)	-0.52%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	98,331,117,435	98,331,117,435	-	0.00%
Thu khác	40	8,387,668,513	8,387,668,513	-	0.00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	355,561,770,481	354,207,210,817	1,354,559,664	0.38%

- Chỉ tiêu 01, 10, 11 giảm do không trình bày doanh thu giá vốn hàng tặng trên báo cáo tài chính;
- Chỉ tiêu 21 tăng do điều chỉnh giảm trích lãi tiền gửi ngân hàng và ghi nhận cổ tức được chia từ lợi nhuận năm 2013;

- Chỉ tiêu 24 giảm do chênh lệch điều chỉnh giảm giữa doanh thu giá vốn hàng tăng đưa vào điều chỉnh giảm chi phí bán hàng ;

Với những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế của báo cáo công ty mẹ sau kiểm toán tăng lên so với báo cáo trước kiểm toán.

Báo cáo tài chính hợp nhất

Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số liệu sau kiểm toán	Số liệu trước kiểm toán	Chênh lệch	
				Giá trị	Tỷ lệ
Doanh thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	1,718,727,183,612	1,729,184,490,991	(10,457,307,379)	-0.60%
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	1,693,062,532,867	1,703,519,840,246	(10,457,307,379)	-0.61%
Giá vốn hàng bán	11	799,764,009,566	808,379,163,660	(8,615,154,094)	-1.07%
Doanh thu hoạt động tài chính	21	17,830,950,505	18,911,672,733	(1,080,722,228)	-5.71%
Chi phí tài chính	22	31,996,000,659	31,996,000,659	-	0.00%
Chi phí bán hàng	24	420,458,345,955	422,300,499,240	(1,842,153,285)	-0.44%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	129,188,141,112	129,188,141,112	-	0.00%
Thu khác	40	8,390,771,530	8,390,771,530	-	0.00%
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	337,877,757,610	338,958,479,838	(1,080,722,228)	-0.32%

- Chỉ tiêu 01, 10, 11 giảm do không trình bày doanh thu giá vốn hàng tăng trên báo cáo tài chính;
- Chỉ tiêu 21 giảm do điều chỉnh giảm trích lãi tiền gửi ngân hàng;
- Chỉ tiêu 24 giảm do chênh lệch điều chỉnh giảm giữa doanh thu giá vốn hàng tăng đưa vào điều chỉnh giảm chi phí bán hàng;

Với những nguyên nhân trên dẫn đến lợi nhuận trước thuế của báo cáo hợp nhất sau kiểm toán giảm so với báo cáo trước kiểm toán.

Một vài số liệu so sánh đã được trình bày lại kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 như sau:



Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh (*)	Trình bày lại
1	Doanh thu bán hàng	1,694,355,389,449	(51,509,326,761)	1,642,846,062,688
10	Doanh thu thuần về bán hàng	1,432,272,860,688	(51,509,326,761)	1,380,763,533,927
11	Giá vốn hàng bán	(822,123,569,279)	49,443,694,501	(772,679,874,778)
24	Chi phí bán hàng	(276,333,157,875)	2,065,632,260	(274,267,525,615)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

Mã chỉ tiêu	Tên chỉ tiêu	Theo báo cáo trước đây	Điều chỉnh (*)	Trình bày lại
1	Doanh thu bán hàng	1,901,575,142,657	(55,279,168,206)	1,846,295,974,451
10	Doanh thu thuần về bán hàng	1,549,692,241,360	(55,275,146,946)	1,494,417,094,414
11	Giá vốn hàng bán	(833,578,793,246)	52,990,589,582	(780,588,203,664)
24	Chi phí bán hàng	(315,985,416,881)	2,284,557,364	(313,700,859,517)

Nguyên nhân: trước năm 2014, Tập đoàn ghi nhận giá trị hàng khuyến mãi (không thu tiền) vào doanh thu và chi phí giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Kể từ năm 2014, Tập đoàn không còn ghi nhận giá trị hàng khuyến mãi vào doanh thu và chi phí giá vốn hàng bán. Do đó, số liệu so sánh đối với doanh thu và giá vốn hàng khuyến mãi của kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013 thể hiện trên báo cáo tài chính năm nay được trình bày lại để đảm bảo tính so sánh của báo cáo tài chính.

Việc trình bày lại này không ảnh hưởng đến lợi nhuận thuần và chi phí thuế cho kỳ 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2013

Công ty Cổ phần Dược Hậu Giang xin giải trình.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu AT, AC

Ư. **TỔNG GIÁM ĐỐC**
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC



Lê Chánh Đạo